TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ - ST.
Ngày: 18 - 4 - 2023.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Ngọc Hà.

2. Ông Lê Văn Danh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Tú Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lâm M, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp Giồng C, xã A, Huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Bà Lý Thị H, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp C1, xã A1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/01/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 07/3/2023 ông Lâm M trình bày:

Vào năm 2017, ông V và bà H kết hôn với nhau, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 10/12/2012. Sau khi kết hôn, ông V và bà H sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân cho đến nay. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà Lý Thị H.

Trong quá trình chungsống, ông V và bà H có một người con tên là Lâm Lý Trí H, sinh ngày 23/9/2010, hiện nay cháu H đang sinh sống với ông và có nguyện vọng

được chung sống với ông V nên ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lý Thị H không có văn bản phúc đáp đối với yêu cầu của ông Lâm M.

- Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lâm M.

+ Về con chung: Giao con chung tên Lâm Lý Trí H, sinh ngày 23/9/2010 cho ông V được trực tiếp nuôi dưỡng và bà H không phải cấp dưỡng nuôi con do ông V không yêu cầu;

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lâm M xác định trong thời gian chung sống ông Lâm M và bà Lý Thị H không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lý Thị H mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Lý Thị H. Bên cạnh đó, ông Lâm M vắng mặt vì có đơn xin giải quyết vắng mặt. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lâm M.

[2] Về hôn nhân: Ông Lâm M và bà Lý Thị H có đăng ký kết hôn vào ngày 10/12/2012 tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Hôn nhân của ông bà tuân thủ các quy định từ Điều 9 đến Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000

nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Lâm M và bà Lý Thị H là hợp pháp.

Ông Lâm M vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án xin được ly hôn với bà Lý Thị H. Xét yêu cầu của ông Lâm M Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng về những sinh hoạt trong cuộc sống. Từ khi nguyên đơn chính thức yêu cầu xin ly hôn cho đến nay, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý cho bà Lý Thị H và giữa ông Lâm M, bà Lý Thị H từ khi sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và phù hợp với công văn số 104/VHTT ngày 27/3/2023 của phòng văn hóa và thông tin huyện Châu Thành về tham khảo ý kiến vụ ly hôn giữa ông Lâm M và bà Lý Thị H. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông Lâm M và bà Lý Thị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Lâm M được ly hôn với bà Lý Thị H.

[3] Về con chung: Ông Lâm M yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lâm Lý Trí H, sinh ngày 23/9/2010. Xét thấy, hiện nay cháu Lâm Lý Trí H đang sống với ông V. Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 27/02/2023 của cháu Lâm Lý Trí H có nguyện vọng được sống chung với ông Lâm M và để ổn định cuộc sống, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu H. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông V là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lâm Lý Trí H, sinh ngày 23/9/2010 là có căn cứ.

Bà Lý Thị H có quyền thăm nom cháu Lâm Lý Trí H, sinh ngày 23/9/2010 không ai được cản trở theo khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Lâm M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Lý Thị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Lý Trí H, sinh ngày 23/9/2010 theo khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lâm M không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống ông Lâm M cho rằng trong thời gian chung sống ông và bà Lý Thị H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Trong quá trình chung sống ông Lâm M cho rằng ông và bà Lý Thị H không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Ông Lâm M phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

` - Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Lâm M và bà Lý Thị H được ly hôn.

2. Về con chung: Ông Lâm M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lâm Lý Trí H, sinh ngày 23/9/2010. Bà Lý Thị H không cấp dưỡng nuôi cháu Lâm Lý Trí H do ông Lâm M không yêu cầu. Bà Lý Thị H có quyền thăm nom cháu Lâm Lý Trí H, sinh ngày 23/9/2010 không ai được cản trở.

Ông Lâm M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Lý Thị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lâm Lý Trí H, sinh ngày 23/9/2010.

3. Về tài sản chung: Ông Lâm M xác định trong thời gian chung sống ông Lâm M và bà Lý Thị H không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Lâm M xác định trong thời gian chung sống ông Lâm M và bà Lý Thị H không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005785 ngày 30/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Lâm M đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lý Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tựphúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã An Hiệp;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Tòa án tỉnh Sóc Trăng (PKTNV và THA)
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thanh Hoa